

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ TUYẾN*

Chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, tuy thời gian thực hiện chưa lâu, nhưng các điều kiện phổ biến về chuyển đổi số trên thế giới đã được vận dụng vào Việt Nam, nguồn lực cho chuyển đổi số, hạ tầng số được tăng cường đầu tư, tạo lập được các nền tảng số quốc gia cho công tác văn hoá. Bài viết tập trung làm rõ chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: chuyển đổi số, chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa

Digital transformation in the cultural field is a major policy of the Vietnamese Communist Party and Government. Although the implementation time has been for a time, the world common conditions for digital transformation have been applied in Vietnam; digital transformation resources and digital infrastructure investment has been increased, national digital platforms have been created for cultural work. The article focuses on clarifying digital transformation in the cultural field in our country today.

Keywords: Digital transformation, Digital transformation in the cultural field

Ngày nhận: 9/2/2024;

Ngày thẩm định, đánh giá: 12/2/2024;

Ngày duyệt đăng: 22/2/2024

1. Chuyển đổi số và chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá

Chuyển đổi số

Chuyển đổi số (Digital transformation) là quá trình thay đổi tổng thể dựa trên công nghệ số nhằm tạo ra sự thay đổi về cách sống, cách làm việc, phương thức sản xuất,... giúp tăng năng suất, giảm chi phí, mở ra không gian phát triển, các giá trị mới ngoài các giá trị truyền thống với sự tham gia của các cá nhân, tổ chức và toàn thể xã hội.

Trong thời đại ngày nay, chuyển đổi số là quá trình khách quan, tất yếu, toàn cầu hoá, tổng thể và toàn diện. Mỗi quốc gia để có thể hội nhập sâu rộng và phát triển đều phải có chiến lược chuyển đổi số, thậm chí phải đi tắt, đón đầu xu thế công nghệ. Chuyển đổi số vì thế là chiến lược cốt lõi, là giải pháp để tối ưu hóa chi phí và tạo ra những giá trị mới nhưng là một quá trình đa dạng, không có con đường

và hình mẫu chung, đòi hỏi hành động hiệu quả thực tiễn chứ không đơn thuần chỉ là mua sắm công nghệ số hiện đại nhất.

Chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa

Chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa là việc ứng dụng công nghệ số để thay đổi cách thức hoạt động của các tổ chức văn hóa và sự tham gia của toàn xã hội nhằm mang lại hiệu quả cao hơn trong xây dựng và phát triển văn hoá trong thời đại công nghệ hiện nay.

Công nghệ số mang đến những ý tưởng mới về văn hoá nhằm tương tác linh hoạt với công chúng cũng như gắn với các mô hình kinh doanh tiện lợi, hấp dẫn hơn. Hiện nay, sự kết hợp giữa công nghệ in 3D, trí tuệ nhân tạo,... ảnh hưởng lớn đến việc hình thành và sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ so với phương pháp truyền thống. Thay vì tạo tác độc bản, tác phẩm điêu khắc, tranh, ảnh nghệ thuật từ một thiết kế, hoàn toàn có thể được chế tác hàng loạt với chất lượng cao bằng nhiều chất

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

liệu thông qua công nghệ in 3D. Các sản phẩm âm nhạc cũng có thể được tạo ra bằng công nghệ tạo lập và xử lý âm thanh. Thậm chí, từ các dữ liệu số hóa của diễn viên, người ta có thể khai thác và tạo ra hình ảnh hoạt động của diễn viên đó, ngay cả khi diễn viên đã qua đời, như ở thời điểm năm 2012, nhiều khán giả đã sững sốt ngỡ ngàng khi huyền thoại nhạc rap Tupac Shakur - người đã bị bắn chết ở Las Vegas, Mỹ vào năm 1996 - đã “sống lại” trên sân khấu tại đại nhạc hội Coachella ở Indio, bang California, Mỹ. Lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (big data) sẽ có những tác động lớn đến việc tạo tác nhiều thể loại văn hoá, sản phẩm điện ảnh cũng có thể được tạo ra từ số hóa mà ít hoặc không cần đến trường quay. Việc kết nối những người tham gia làm phim, những tính toán cụ thể về tài chính cho sản phẩm điện ảnh, kể cả khả năng hấp dẫn của nó cũng có thể được tính toán dựa trên việc phân tích các số liệu, điều này sẽ làm thay đổi cách thức sản xuất phim. Trong các hoạt động nghệ thuật biểu diễn, công nghệ thực tại ảo, trình diễn 3D với khả năng truyền dẫn cũng sẽ khiến cho các buổi diễn có thể diễn ra đồng thời trực tiếp tại nhiều nơi trên thế giới...

2. Chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá ở Việt Nam

Về chủ trương và việc triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về văn hoá

Việt Nam chủ trương bắt nhịp vào xu hướng chuyển đổi số của thế giới từ khoảng năm 2018 và chính thức có “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia” vào ngày 03/6/2020. Chuyển đổi số tất sẽ hình thành xã hội số. “Xã hội số, xét theo nghĩa hẹp, gồm công dân số và văn hóa số. Theo nghĩa này, xã hội số, cùng với chính phủ số và kinh tế số tạo thành ba trụ cột của một quốc gia số.” (1) “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia” và việc hình thành Chính phủ số là những điều kiện tiên quyết tạo nên những chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá ở nước ta.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa ở nước

ta là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của ngành Văn hoá và cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp nhằm xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số; làm cho văn hóa trở nên thích nghi và điều tiết được sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từ chủ trương này, “Chương trình chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã xác định các vấn đề chính của chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá. Trong đó, trên phương diện quản lý nhà nước, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá trước hết là quá trình nhằm phục vụ phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số nói chung, đồng thời đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội từ góc độ văn hoá nói riêng. Trên phương diện các hoạt động văn hoá, chuyển đổi số có thể được thực hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau như số hóa tài liệu văn hóa, tạo ra các sản phẩm văn hóa số; sử dụng công nghệ số để quảng bá văn hóa nhằm tăng hiệu quả hoạt động, mở rộng phạm vi tiếp cận; tạo ra các sản phẩm văn hóa mới, hấp dẫn và phù hợp nhu cầu người dân; nâng cao nhận thức và hiểu biết về văn hóa của người dân, góp phần xây dựng xã hội văn minh, hiện đại (2).

Từ nhận thức đến hành động, chuyển đổi số từ góc độ quản lý nhà nước về văn hoá đã có nhiều chuyển biến tích cực về việc xây dựng, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách. Nguồn lực cho chuyển đổi số, hạ tầng số được tăng cường đầu tư để tạo lập các nền tảng số chung cho ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch, trong đó nổi bật là các nền tảng bảo tàng số, quản trị và kinh doanh du lịch; dịch vụ công trực tuyến về văn hoá,... Hệ thống thông tin báo cáo với

chức năng thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo và cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã đi vào hoạt động, tạo kết nối thông suốt tới các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, hình thành các nền tảng số quốc gia, tăng cường tích hợp dữ liệu và đảm bảo công tác chỉ đạo điều hành kịp thời về văn hoá.

Về thực tiễn chuyển đổi trong các hoạt động văn hoá

Tuy thời gian thực hiện chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá chưa lâu (khoảng 5 năm), nhưng có thể thấy những thay đổi do chuyển đổi số ở Việt Nam là rất rõ nét, bên cạnh đó cũng còn nhiều vấn đề đặt ra.

Trước hết, phải khẳng định rằng, các điều kiện phổ biến về chuyển đổi số trên thế giới đã thực sự chi phối đời sống người Việt.

Internet kết nối vạn vật (IoT), cơ sở dữ liệu lớn (big data), băng thông siêu rộng, phương thức truyền dữ liệu với tốc độ siêu cao tần (qua vệ tinh), 4G, 5G qua các trạm BTS mặt đất,... đã và đang làm thay đổi phương thức cung cấp cũng như chất lượng thông tin, giúp người Việt được tiếp cận với kho tri thức và văn hóa, nghệ thuật của nhân loại. Ứng dụng công nghệ GIS (định vị các phần tử địa lý) và điện toán đám mây (lưu trữ, kết nối và cung cấp dữ liệu lớn, đa phương tiện), các hệ thống Google, Facebook, Zalo và các mạng xã hội khác, các kênh truyền hình trong và ngoài nước, các kênh cung cấp dịch vụ trực tuyến, như Netflix đã làm thay đổi cách thức tiếp cận, chiếm lĩnh, xử lý thông tin, học tập, nghiên cứu, tiêu dùng thông minh các sản phẩm văn hoá. Các loại hình ảnh 3D, 4D, 5D, các loại âm thanh kỹ thuật số như stereo, Dolby, High-Resolution Audio,... cũng đã có mặt để tạo những rạp hát, rạp chiếu phim, siêu thị ảo,... cho người dùng Việt Nam.

Thứ hai, về việc ứng dụng công nghệ của

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để bảo tồn, quảng bá di sản và tổ chức các hoạt động văn hoá trong nước cũng đạt những kết quả đáng kể.

Các ứng dụng thuyết minh tự động (Audio Guide) bằng nhiều ngôn ngữ đã tạo sự nâng cấp về chuyên môn và hấp dẫn du khách tại hàng loạt các bảo tàng như Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Phụ Nữ Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội, Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế, Bảo tàng Điều khắc Chăm - Đà Nẵng, Bảo tàng Hải Dương học - Khánh Hòa, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh – Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật - Thành phố Hồ Chí Minh, Dinh Độc lập,... Những đơn vị đi đầu như Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Viện Âm nhạc - Học Viện âm Nhạc quốc gia cũng đã thực hiện hàng trăm dự án sưu tầm, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể bằng phương pháp số hóa. Hệ thống Data Bank của Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam đã sử dụng phần mềm Media 100, Finalcut,... để có thể lưu trữ trên đĩa DVD-RW chất lượng kỹ thuật cao. Dự án “Xây dựng ngân hàng cơ sở dữ liệu số về di tích và công tác bảo tồn di tích ở Việt Nam” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì cũng đã ứng dụng công nghệ scan 3D các di tích kiến trúc nghệ thuật nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích. Chương trình ứng dụng công nghệ 3D để phục dựng kiến trúc thời Lý của Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cũng đã mang lại những hiệu ứng tốt.

Các địa phương với các Đề án chuyển đổi số phù hợp đặc thù, xác định những nội dung trọng tâm, ưu tiên trong chuyển đổi số về văn hoá, các địa phương cũng đã tiến hành chuyển đổi số về di sản, di tích, lễ hội, phong tục tập quán; bảo tàng, thư viện; du lịch, làng nghề,... Tỉnh Bắc Ninh đã đẩy mạnh số hóa để quảng

bá các giá trị văn hóa trên không gian mạng, tính đến cuối năm 2022, 585 di tích tỉnh này đã được xếp hạng, 4 di tích quốc gia đặc biệt cùng các di sản văn hóa phi vật thể của Bắc Ninh cũng đã được thu thập và xây dựng thành ngân hàng dữ liệu dạng số tổng thể. Tỉnh Hưng Yên đã nỗ lực số hóa tài liệu Thư viện tỉnh Hưng Yên, số hóa 3D một số hiện vật tiêu biểu và các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh,... Thực hiện các mục tiêu trong Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030, nhiều địa phương đã triển khai thực hiện các giải pháp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số hóa 3D vào khai thác, quản lý và lan tỏa giá trị di sản. Tại Hà Nội, một số chương trình mới được tạo trên nền tảng số hoá như “Tinh hoa Đạo học” tại Văn Miếu-Quốc Tử Giám, “Đêm thiêng liêng” tại Nhà tù Hỏa lò, “Giải mã Hoàng Thành” tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long; “Ngọc Sơn - đêm huyền bí” tại Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn đã có sức lan toả, mang lại sự trải nghiệm mới mẻ cho công chúng. Tại Thừa Thiên Huế, Trung tâm bảo tồn Di tích Cố đô cũng đã sớm triển khai app hướng dẫn tham quan, công nghệ thực tế ảo VR 3D để du khách có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp sống động của Kinh thành Huế. Tại Quảng Nam, khu di tích Mỹ Sơn đã cung cấp cho du khách một sản phẩm trực tuyến thông qua hệ thống thế giới ảo công nghệ Metaverse gồm ba nền tảng công nghệ là không gian trải nghiệm VR360, Metaverse spy và Map 3D,...

Với hoạt động của các làng nghề truyền thống, công nghệ in 3D, 4D có khả năng can thiệp sâu đến việc bảo tồn nguyên trạng, bảo tồn kế thừa và bảo tồn phát huy di sản văn hóa theo những mục tiêu và phương thức cụ thể. Trên thực tế, ứng dụng kỹ thuật, chất liệu và cách thức in 3D đã giúp giữ gìn được nét tinh túy của những bản khắc tranh cổ, quý hiếm lâu dài, chống lại sự hao mòn qua thời gian trong điều kiện bảo quản tự nhiên như tranh Đông

Hồ, tranh Hàng Chuối, tranh Kim Hoàng,... Không chỉ phục vụ trong tạo ra các sản phẩm đòi hỏi sự tỷ mỉ, sự chính xác cao, việc kết hợp công nghệ in 3D, 4D sẽ giúp các nghề truyền thống sử dụng đa chất liệu như đất, gốm sứ, sắt, bạc, gỗ, giấy,... để sản xuất dựa trên khả năng tự động hóa của máy móc mà vẫn đảm bảo chất lượng thẩm mỹ và nghệ thuật tạo hình với lượng sản phẩm lớn hơn nhiều lần, mang lại hiệu quả kinh tế vượt trội.

Trong tổ chức các hoạt động biểu diễn, ứng dụng phần mềm tiện ích từ Internet, hay còn gọi là mạng lưới vạn vật kết nối internet (Internet of Things - IoT) cũng đã được ứng dụng để hỗ trợ chương trình biểu diễn nghệ thuật trong truyền tải điều chỉnh kỹ thuật âm thanh, hiệu ứng ánh sáng đa chiều, kỹ thuật sân khấu 3D; phát trực tiếp và kết nối Internet để người dân và du khách có thể truy cập thưởng thức.

Ngành Du lịch cũng đã khai thác được những lợi thế đặc biệt của chuyển đổi số để phục vụ hàng triệu lượt khách du lịch tới Việt Nam và tiếp cận hàng tỷ khách hàng tiềm năng trên toàn thế giới để cung cấp những dịch vụ trải nghiệm du lịch văn hóa, hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh trên cơ sở nền tảng, dữ liệu số và mô hình dịch vụ, phục vụ trên môi trường số thông qua các ứng dụng Du lịch Việt Nam - Vietnam Travel, Thẻ Việt - Thẻ du lịch thông minh, hệ thống vé điện tử, Trang vàng du lịch Việt Nam, các tiện ích công nghệ hỗ trợ hoạt động du lịch; thực hiện Tiêu chuẩn du lịch ASEAN,... Phải nói rằng thành công của các lễ hội hiện đại trong quảng bá kinh tế xã hội, những lễ hội văn hóa về âm nhạc, thời trang hiện đại, áo dài,... có được là nhờ phần lớn những ứng dụng hiện đại nêu trên. Trong điều kiện giãn cách xã hội vì dịch COVID -19, thông qua nền tảng số đã có hàng ngàn lượt khách được tham quan các triển lãm chuyên đề của Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam; thậm chí là có thể “du lịch số” tới Kinh thành Huế. Việc gắn mã QR lên biển

tên đường hay tại địa điểm các di tích nhằm cung cấp thông tin đã được thực hiện ở nhiều nơi, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần khắc phục sự đơn thuần các hành vi tâm linh về xin ban phước lộc, công danh của nhiều người trong hoạt động du lịch.

Như vậy, về cơ bản, sự tác động của chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá ở Việt Nam là khá rõ nét và diễn ra trên diện rộng, bước đầu tạo ra sự thay đổi trong nhận thức và hành động của toàn xã hội.

Những bất cập và vấn đề đặt ra

Nhìn một cách tổng thể, chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa chưa diễn ra đồng đều trong cả nước.

Các lĩnh vực được đánh giá là có thành tựu áp dụng công nghệ số như di sản, du lịch, bảo tàng, thư viện, âm nhạc,... cũng chưa thật sự có bước phá lớn trong chiếm lĩnh công nghệ mới nhất. Về nghệ thuật, âm nhạc là lĩnh vực có thể ghi nhận sự chuyển đổi số nhưng các lĩnh vực khác như điện ảnh, sân khấu,... vẫn còn khá hạn chế.

Những kết quả đạt được ở góc độ địa phương về chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá hầu như mới chỉ dừng lại ở các tỉnh, thành phố lớn có nhiều di sản văn hóa và tổ chức du lịch hiệu quả. Nhiều địa phương, nhất là khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì người dân còn chưa biết đến nhiều về chuyển đổi số, cũng còn có sự lúng túng trong việc tìm ra vấn đề cốt lõi và giải quyết hiệu quả các vấn đề ưu tiên trong chuyển đổi số, nên các kết quả về chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hoá còn hạn chế.

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, cần thiết mà mỗi quốc gia phải thực hiện trong thời kỳ công nghệ phát triển hiện nay. Văn hóa là vấn đề nền tảng, cốt lõi, càng không thể đi chậm và đi sau các lĩnh vực khác. Chuyển đổi số, ứng dụng các thành tựu khoa học-kỹ thuật mới là điều kiện tốt để bảo tồn, gìn giữ, phát triển, lan tỏa các giá trị văn hóa để thế giới biết nhiều hơn về nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

Với người dân, khi các giá trị văn hóa được số hóa trên các nền tảng gắn với mạng internet, việc tiếp cận và sáng tạo các giá trị văn hóa sẽ trở nên dễ dàng hơn. Khi đó văn hóa không chỉ có ý nghĩa là nền tảng tinh thần mà còn là một tiềm lực trong phát triển kinh tế-xã hội. Vì vậy, muốn xây dựng một nền công nghiệp văn hóa thành công thì cơ sở quan trọng nhất là phải chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa thành công. Trên thực tế đến thời điểm này, việc chuyển đổi số trong văn hóa phần lớn mới chỉ dừng lại ở mức tiếp cận cơ bản ban đầu như số hóa các dữ liệu, tư liệu hiện vật dưới dạng thông tin. Sau một thời gian thực hiện, nhiều khó khăn bộc lộ đòi hỏi các giải pháp căn cơ, đồng bộ của ngành văn hóa và của từng địa phương. Do đó cần bắt đầu từ việc thay đổi tư duy, nhận thức, xem chuyển đổi số là vấn đề quan trọng, cấp thiết nhằm nâng tầm vị thế của văn hóa trong phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương và cả nước.

Có thể nói, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số là một xu thế không thể đứng ngoài trong sự phát triển của nhân loại. Những thực tế nêu trên về việc chuyển đổi số trong đời sống văn hóa ở Việt Nam cho thấy không gian số mang đến cơ hội cho tất cả các cá nhân và cộng đồng, không phân biệt khoảng cách, đều có thể tham gia vào chuỗi đời sống toàn cầu trong kết nối số hóa. Bản chất của cách mạng công nghiệp lần thứ tư là công nghiệp sáng tạo dựa trên lợi thế của các sáng tạo cá nhân. Tuy nhiên với trình độ của phần lớn người dân Việt Nam hiện nay, nhất là đồng bào vùng sâu vùng xa và người thiểu số, khoảng cách công nghệ số còn là một thách thức rất lớn. Để tiếp cận với cách mạng công nghệ công nghiệp hiện nay, chúng ta cần có nguồn dữ liệu về văn hóa, hệ thống thông tin kết nối về quản lý, cấp phép, hệ thống thu thập dữ liệu,... đồng thời cũng cần thiết lập được môi trường khuyến khích tối đa sự sáng tạo cá nhân.

Về chính sách, cần có các chính sách hỗ trợ

về đào tạo ở cả trong và ngoài nước đối với lực lượng sáng tạo, các tài năng văn hoá nghệ thuật nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Cần có chính sách khuyến khích sáng tạo và phổ biến tác phẩm văn học nghệ thuật, sản phẩm văn hoá có sử dụng công nghệ hiện đại gắn liền với việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan; hỗ trợ nghệ nhân, doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ trong phát triển các loại hình văn hóa; hỗ trợ, liên kết các cơ sở dữ liệu lớn về văn hóa để làm giàu nguồn dữ liệu cũng như quảng bá, phổ biến sản phẩm văn hoá chất lượng cao đến với công chúng ở trong nước cũng như quốc tế.

Về nguồn lực tài chính, đây là một khó khăn vì đầu tư cho công nghệ cao trong lĩnh vực văn hóa là rất tốn kém (làm phim 3D, 4D như quan ngại của các đạo diễn phim là một điều không tưởng trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam), cần được đầu tư không chỉ là nâng cao hơn nguồn từ ngân sách mà còn phải tích cực huy động nguồn vốn xã hội hóa; hỗ trợ tài chính cho các nghệ nhân trong sáng tạo và đào tạo đội ngũ kế cận.

Kết luận

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số với lĩnh vực văn hóa là một cơ hội nhưng cũng là một thách thức. Thách thức lớn nhất là công nghệ ảo và sản xuất hàng loạt sẽ tạo cơ hội hưởng thụ dễ dàng do quá nhiều sản phẩm được tạo ra; điều kiện công nghệ cũng dẫn đến sự hạn chế lớn về cơ hội sáng tạo độc bản cũng như giá trị của các sản phẩm theo truyền thống.

Những điều trên đây đòi hỏi chúng ta một cái nhìn tỉnh táo, tránh ảo tưởng, hô hào về chuyển đổi số mà cần có những bước đi đúng để có thể khai thác hưởng lợi, cũng như tránh những rủi ro từ thực tiễn thay đổi lớn này.

N.T.T

1. Cục tin học hoá - Bộ Thông tin và Truyền thông, *Chuyển đổi số trong xã hội là gì?* <https://dx.mic.gov.vn/docs/chuyen-doi-so-co-quan-nha-nuoc-la-gi/>, đăng ngày 22/4/2023

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, “*Chương trình chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” kèm theo Quyết định số 3611/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, <https://cnn.gov.vn/SitePages/vanban.aspx?ItemID=5605>, truy cập ngày 16/8/2023

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA...

(tiếp theo trang 16)

6. Thảo Duyên, Các trung tâm đào tạo diễn xuất: Văn là...thả nổi, <https://cand.com.vn/dien-dan-van-nghe-cong-an/Cac-trung-tam-dao-tao-dien-xuat-Van-lathanoi-i328919/>, đăng ngày 21/9/2010

7. Nguyễn Thị Thu Phương, *Kinh nghiệm phát triển các ngành CNVH ở một số quốc gia trên thế giới - giá trị tham chiếu cho Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản chuyên đề, số 2/2021, tr. 173.

8. Báo cáo tổng kết năm 2015 của Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

10. <https://baotintuc.vn/du-lich/nam-2019-du-lich-viet-nam-dat-ky-tich-vangtang-truong-20200101080716990.htm>, đăng ngày 1/1/2020

11. Báo cáo số 16/BC-BVHTTDL ngày 22/1/2020 của Bộ VHTTDL *Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2020*.

12. Tổng cục Thống kê, 2021.

13. Nguyễn Hữu Tuấn, *Công nghiệp điện ảnh Việt Nam - Làm sao để vươn mình*, Hội thảo khoa học Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển các ngành CNVH

2016-2021, Hà Nội, ngày 12/9/2022, tr. 481.

14. Số liệu thống kê của Công ty CJ CGV Việt Nam: Năm 2009 mới có 87 phòng chiếu phim với tổng doanh thu khoảng 302 tỷ đồng (13 triệu USD), đến năm 2019 đã có 1.063 phòng chiếu tại 204 cụm rạp, doanh thu 4.064 tỷ đồng (hơn 176 triệu USD).

15. Cục Văn hoá cơ sở (2019), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện tiêu chí văn hoá trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020; Đề xuất định hướng và giải pháp thực hiện trong giai đoạn sau năm 2020*.

16, 17. Nguyễn Phương Hòa, *Vai trò Nhà nước trong chính sách phát triển CNVH tại Việt Nam theo tinh thần Công ước UNESCO 2005 về đa dạng văn hóa*, Luận án Tiến sĩ Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2022, tr. 139, 134.

18. Quyết định 1975/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện các khuyến nghị Việt Nam chấp thuận theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát về quyền con người chu kỳ III của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc.